

BIỂU PHÍ THẺ GHI NỢ

STT	LOẠI PHÍ	THẺ GHI NỢ NỘI ĐỊA	THẺ GHI NỢ QUỐC TẾ
I	NHÓM PHÍ PHÁT HÀNH VÀ PHÍ THƯỜNG NIÊN		
1	Phí phát hành thường (đ/thẻ)		
	- Thẻ chuẩn	Miễn phí	Miễn phí
	- Thẻ vàng	Không áp dụng dịch vụ	Miễn phí
2	Phí phát hành nhanh (đ/thẻ)	99.000	165.000
3	Phí phát hành lại thẻ do hết hạn (đ/thẻ)	Không áp dụng dịch vụ	55.000
4	Phí phát hành lại thẻ do thất lạc/hư hại (đ/thẻ)		
	- Thẻ chuẩn	55.000	55.000
	- Thẻ vàng	Không áp dụng dịch vụ	110.000
5	Phí phát hành lại thẻ nhanh do thất lạc/hư hại (đ/thẻ)	99.000	110.000
6	Phí thường niên (đ/thẻ/năm)		
	- Thẻ chuẩn	60.000	• Visa: 110.000 • Master: 220.000
	- Thẻ vàng	Không áp dụng dịch vụ	330.000
II	NHÓM PHÍ GIAO DỊCH TẠI ATM HDBANK		
1	Phí rút tiền mặt (đ/giao dịch)	Miễn phí	Miễn phí
2	Phí chuyển khoản (đ/giao dịch)	1.100	1.100
3	Phí truy vấn không in hóa đơn (đ/lần)	Miễn phí	Miễn phí
4	Phí truy vấn có in hóa đơn (đ/lần)	550	Miễn phí
5	Phí đổi PIN (đ/lần)	Miễn phí	Miễn phí
6	Phí chuyển tiền liên ngân hàng (đ/giao dịch)		
6.1	Giá trị giao dịch ≤ 500.000 đ	4.000	Không áp dụng dịch vụ
6.2	Giá trị giao dịch từ 500.001 đến 2.000.000 đ	4.400	Không áp dụng dịch vụ
6.3	Giá trị giao dịch từ 2.000.001	5.500	Không áp dụng dịch vụ



STT	LOẠI PHÍ	THẺ GHI NỢ NỘI ĐỊA	THẺ GHI NỢ QUỐC TẾ
7	Phí thanh toán hóa đơn (tiền điện, học phí,...) (đ/giao dịch)	Miễn phí	Không áp dụng dịch vụ
III	NHÓM PHÍ GIAO DỊCH TẠI ATM THUỘC LIÊN MINH NAPAS, VISA, MASTERCARD		
1	Phí rút tiền mặt (đ/giao dịch)	3.630	- Việt Nam: 5.500đ - Nước ngoài: 2,2% (min: 33.000)
2	Phí chuyển khoản (đ/giao dịch)	2.200	Không áp dụng dịch vụ
3	Phí truy vấn (đ/giao dịch)	550	6.600
4	Phí in sao kê (đ/lần)	880	Không áp dụng dịch vụ
5	Phí đổi PIN (đ/lần)	Miễn phí	Không áp dụng dịch vụ
IV	NHÓM PHÍ GIAO DỊCH POS/EDC/ECOM CỦA HDBANK		
1	Phí rút tiền mặt (đ/giao dịch)	Miễn phí	Miễn phí
2	Phí truy vấn (đ/lần)	Miễn phí	Miễn phí
3	Phí đổi PIN (đ/lần)	Miễn phí	Miễn phí
V	NHÓM PHÍ GIAO DỊCH QUA POS/EDC/ECOM THUỘC LIÊN MINH NAPAS		
1	Phí thanh toán hàng hóa – dịch vụ (đ/giao dịch)	Miễn phí	Không áp dụng dịch vụ
VI	NHÓM PHÍ GIAO DỊCH QUA POS/EDC/ECOM THUỘC HỆ THỐNG VISA, MASTERCARD		
1	Phí thanh toán hàng hóa – dịch vụ (đ/giao dịch)	Không áp dụng dịch vụ	Miễn phí
VII	NHÓM PHÍ DỊCH VỤ KHÁC		
1	Phí chuyển đổi ngoại tệ (%/giá trị giao dịch)	Không áp dụng dịch vụ	3,0%
2	Phí xử lý giao dịch bằng VNĐ tại các ĐVCNT có mã quốc gia khác VN (đ/giao dịch)	Không áp dụng dịch vụ	1,1% (min 10.000)
3	Phí thông báo thất lạc thẻ (đ/lần)	Miễn phí	220.000
4	Phí khóa/mở khóa thẻ (đ/lần)	Miễn phí	Miễn phí
5	Phí in sao kê chi tiết hàng tháng (đ/lần)	5.500	5.500



STT	LOẠI PHÍ	THẺ GHI NỢ NỘI ĐỊA	THẺ GHI NỢ QUỐC TẾ
6	Phí cấp bản sao hóa đơn giao dịch (đ/hóa đơn)		
6.1	Tại Đơn vị chấp nhận thẻ của HDBank	22.000	22.000
6.2	Tại Đơn vị chấp nhận thẻ không thuộc HDBank	110.000	110.000
7	Phí xác nhận theo yêu cầu của Chủ thẻ (đ/lần)	Miễn phí	55.000
8	Phí cấp lại PIN (đ/lần)	22.000	22.000
9	Phí tắt toán trước hạn/đóng tài khoản (đ/ lần)	Miễn phí	Miễn phí
10	Phí khiếu nại sai (đ/lần)	44.000	88.000
11	Phí thay đổi hạng thẻ (đ/lần)	Không áp dụng dịch vụ	55.000
12	Phí đặt hàng dịch vụ qua thư, điện thoại, internet	Không áp dụng dịch vụ	Miễn phí
13	Phí tăng hạn mức tạm thời theo yêu cầu của Chủ thẻ (đ/lần)	Không áp dụng dịch vụ	Miễn phí
14	Phí nạp thêm tiền/thanh toán dư nợ thẻ	Miễn phí	Miễn phí
15	Dịch vụ SMS thông báo biến động giao dịch	Phí SMS Banking	Miễn phí

Biểu phí này được thay đổi theo quy định của HDBank trong từng thời kỳ, Quý khách vui lòng truy cập vào trang thông tin điện tử chính thức của HDBank (website: www.hdbank.com.vn) để cập nhật biểu phí mới nhất.

